

ĐẶC TRƯNG CỦA THƯƠNG MẠI TRUNG - VIỆT VÀ PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN CỦA NÓ

LTS. Từ khi bình thường hóa năm 1991 đến nay, quan hệ thương mại Việt – Trung đã phát triển nhanh chóng. Tuy nhiên, Việt Nam luôn là bên nhập siêu và mức nhập siêu càng gia tăng từ 2002 đến nay. Làm thế nào để giảm nhập siêu, tiến tới cân bằng mậu dịch song phương, là chủ đề thu hút sự quan tâm của nhiều học giả. Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc đăng bài viết của PGS.TS Phan Kim Nga (Trung Quốc) với một số luận giải mới. Xin giới thiệu cùng bạn đọc.

PGS.TS PHAN KIM NGA
Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác
Viện KHXH Trung Quốc

Từ khi bình thường hóa quan hệ năm 1991 đến nay, quan hệ kinh tế thương mại Trung – Việt được khôi phục và phát triển nhanh chóng. Kim ngạch thương mại giữa hai nước từ hơn 30 triệu USD năm 1991 lên 22,5 tỷ USD năm 2009 ⁽¹⁾, tăng gấp gần 700 lần. Trung Quốc đã trở thành bạn hàng lớn nhất của Việt Nam. Lợi ích thương mại song phương mang lại cho hai nước là điều dễ dàng nhìn thấy. Nhưng cùng với thương mại song phương liên tục tăng trưởng, vấn đề mất cân bằng trong thương mại giữa hai nước đã ngày càng bộc lộ. Việt Nam hết sức coi trọng vấn đề nhập siêu trong thương mại với Trung Quốc. Một số học giả lo lắng kinh tế Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng xấu nên đã kiến nghị nên hạn chế nhập khẩu từ Trung Quốc. Làm như vậy sẽ không có lợi cho phát triển của quan hệ kinh tế thương mại song phương từ nay về sau. Trong lúc này, việc đi sâu phân tích, khảo sát thực trạng phát triển và đặc trưng của thương mại

hai nước cũng như nguyên nhân hình thành của nó hết sức quan trọng. Với mục đích như vậy, bài viết này sẽ dựa vào số liệu thống kê, khái quát đặc trưng của thương mại hai nước, sau đó phân tích nguyên nhân hình thành của những đặc trưng ấy, nhất là tập trung phân tích nguyên nhân mất cân bằng trong thương mại giữa hai nước, trên cơ sở đó đưa ra một số ý kiến và kiến nghị.

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA THƯƠNG MẠI TRUNG - VIỆT

1. Kim ngạch thương mại liên tục tăng cao

Từ khi hai nước bình thường hóa quan hệ, quan hệ kinh tế thương mại song phương phát triển nhanh chóng và thể hiện rõ rệt nhất trong thương mại hàng hóa (xem bảng 1). Theo số liệu thống kê của Bộ Thương mại Trung Quốc, năm 1991, kim ngạch thương mại hai nước chỉ đạt 32,23

triệu USD, năm 2006 đạt gần 10 tỷ USD, năm 2009 đạt 22,5 tỷ USD. Lãnh đạo hai nước đã đưa ra mục tiêu nâng thương mại song phương lên 10 tỷ USD vào năm 2010, sau mấy lần thay đổi, hiện nay mục tiêu đưa ra là 25 tỷ USD và xem ra mục tiêu này không khó thực hiện. Hai năm 2008-2009, trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế thế giới

đã tác động đến hầu hết các nước kinh tế thương mại chung của thế giới giảm mạnh, xuất nhập khẩu của hai nước vẫn duy trì xu thế tăng trưởng, năm 2008 tăng 28,8%, năm 2009 tăng 8,2%. Có thể thấy, sự gắn bó trong quan hệ thương mại giữa hai nước đã đủ sức gạt bỏ ảnh hưởng tiêu cực của khủng hoảng kinh tế.

Bảng 1: THỐNG KÊ VỀ XUẤT NHẬP KHẨU TRUNG - VIỆT TỪ NĂM 1991-2009

Năm	Xuất khẩu của Trung Quốc (triệu USD)	Nhập khẩu của Trung Quốc (triệu USD)	Trung Quốc xuất siêu (triệu USD)	Tổng kim ngạch của Trung Quốc với Việt Nam (triệu USD)	Tăng trưởng xuất nhập khẩu (%)	Tỉ lệ trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam (%)	Tỉ lệ trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc (%)
1991	21,40	10,83	10,57	32,23	-		
1992	106,36	72,71	33,65	179,07	82.0		
1993	276,00	122,63	153,37	398,64	55.1		
1994	341,66	191,16	150,50	532,82	25.2		
1995	720,13	332,06	388,07	1052,19	49.4		
1996	842,15	308,48	533,67	1150,63	8.6		
1997	1078,54	357,10	721,44	1435,64	19.9		
1998	1028,00	217,00	811,00	1245,60	-15.3		
1999	964,00	354,00	610,00	1318,00	5.5	6.1	0.37
2000	1537,00	929,00	608,00	2466,43	46.6	9.8	0.52
2001	1804,45	1010,75	793,70	2815,20	12.4	9.7	0.55
2002	2148,86	1115,28	1033,58	3264,15	13.8	10.1	0.53
2003	3178,52	1455,80	1722,72	4634,31	29.6	11.1	0.54
2004	4260,84	2481,96	1778,88	6742,80	31.3	12.8	0.58
2005	5644,48	2551,92	3092,56	8196,40	17.7	13.2	0.58
2006	7464,63	2485,91	4978,72	9950,54	21.4	12.6	0.57
2007	11900,00	3215,00	8685,00	15115,00	51.9	14.7	0.70
2008	15120,00	4340,00	10780,00	19464,00	28.8	14.1	0.76
2009	16301,00	4747,00	11554,00	21048,00	8.2	17.9	0.95

Nguồn: Mạng của Bộ Thương mại Trung Quốc, mạng của Tổng cục Thống kê Việt Nam

Chú thích: Trong đó, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu Trung - Việt và tỉ trọng của nó trong thương mại Trung Quốc tính toán theo số liệu của Bộ Thương mại Trung Quốc, tỉ trọng của thương mại hai nước trong thương mại Việt Nam tính theo tổng kim ngạch xuất nhập khẩu nói chung của Việt Nam và tổng kim ngạch xuất nhập khẩu với Trung Quốc công bố trên mạng của Tổng cục thống kê Việt Nam.

2. Vị trí thương mại liên tục nâng cao, nhưng tỉ trọng trong ngoại thương của Việt Nam cao hơn nhiều so với Trung Quốc

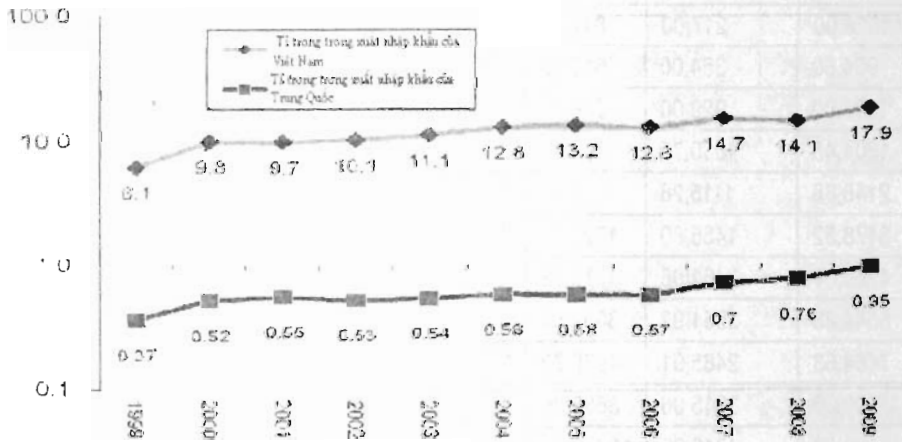
Từ số liệu và xu thế thể hiện trong bảng 1 và biểu 1 có thể thấy, cùng với kim ngạch thương mại hai nước liên tục tăng, tỉ trọng của thương mại Trung - Việt trong tổng kim ngạch thương mại của mỗi nước cũng không ngừng tăng, do đó, vị trí trong thương mại của mỗi nước cũng liên tục nâng cao. Nhìn từ xu thế tăng lên, hai nước khá giống nhau, đều thể hiện năm 1999 tăng nhanh, sau đó duy trì xu thế tăng khá ổn định; sau năm 2009 lại xuất hiện xu thế tăng khá mạnh. Năm 1999-2000, tỉ trọng của thương mại hai nước trong ngoại thương của Việt Nam từ

6,1% lên 9,8%, tỉ trọng trong ngoại thương của Trung Quốc từ 0,37% lên 0,52%; năm 2007-2009, cả hai nước đều có mức tăng khá lớn, nhất là Trung Quốc, tăng trên 30%.

Số liệu còn cho thấy, thương mại Trung - Việt chiếm tỉ trọng khá lớn trong ngoại thương của Việt Nam, năm 2009 đã đạt khoảng 17,9%, còn tỉ trọng trong ngoại thương của Trung Quốc lại khá nhỏ, chưa đến 1%. Do đó, xét về tổng thể, thương mại giữa hai nước Trung - Việt có tác dụng hết sức quan trọng trong ngoại thương của Việt Nam. Vì vậy, cho dù thương mại giữa hai nước có xu thế tốt hay xấu thì ảnh hưởng của nó đối với Việt Nam sẽ lớn gấp gần 20 lần so với Trung Quốc.

Biểu đồ 1: TỈ TRỌNG CỦA THƯƠNG MẠI TRUNG - VIỆT TRONG TỔNG KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU CỦA HAI NƯỚC

Đơn vị: %



Nguồn: Như bảng 1

3. Thương mại tăng trưởng không ổn định

Số liệu thống kê còn cho thấy: Mặc dù kim ngạch thương mại giữa hai nước hàng năm (trừ năm 1998) đều

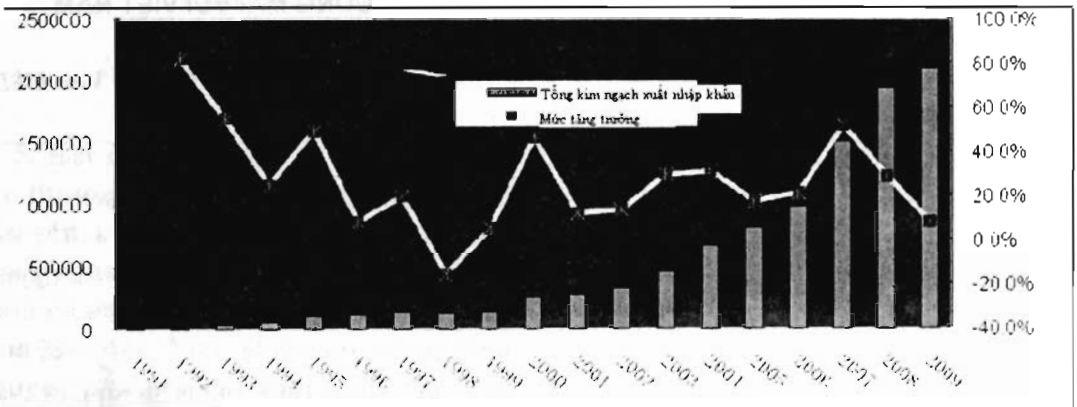
tăng trưởng nhưng mức tăng trưởng hàng năm rất không ổn định (xem bảng 2). Năm 1992, do quan hệ hai nước khôi phục bình thường, mức tăng trưởng của thương mại song phương so

với năm 1991 tăng 82%, trở thành mức cao lịch sử, sau đó giảm xuống rồi lại tăng lên. Năm 1998, do chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á, thương mại giữa hai nước tăng trưởng âm, giảm xuống còn -15,3%. Năm 2001, do ảnh hưởng của việc Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, mức tăng trưởng đạt 46,6%. Tương tự như vậy năm 2007, Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới mức tăng trưởng năm đó đạt 51,9%. Nhưng trong

năm 2008-2009, do chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, mức tăng trưởng thương mại giữa hai nước giảm rõ rệt, năm 2008 giảm xuống còn 28,8%, năm 2009 chỉ còn 8,2%. Có thể thấy, biến động trong mức tăng trưởng thương mại giữa hai nước khá mạnh, có nghĩa là mức độ tăng trưởng hàng năm không ổn định, chịu ảnh hưởng rõ rệt của nhân tố chính trị, nhân tố chính sách kinh tế và nhân tố thị trường bên ngoài.

Biểu đồ 2: XU THẾ TĂNG TRƯỞNG CỦA THƯƠNG MẠI TRUNG - VIỆT TỪ NĂM 1991-2009

Đơn vị: 10.000 USD, %



Nguồn: Hải quan Trung Quốc

4. Mặc dù số liệu thống kê của hai nước có khác biệt khá lớn nhưng đều cho thấy thương mại giữa hai nước mất cân bằng nghiêm trọng, trong đó nhập siêu của Việt Nam có xu thế tăng

Biểu đồ 3 và biểu đồ 4 lần lượt là biểu đồ xu thế về tình trạng mất cân bằng trong thương mại giữa hai nước được lập theo số liệu thống kê của Bộ Thương mại Trung Quốc và Bộ Công thương Việt Nam. Có thể

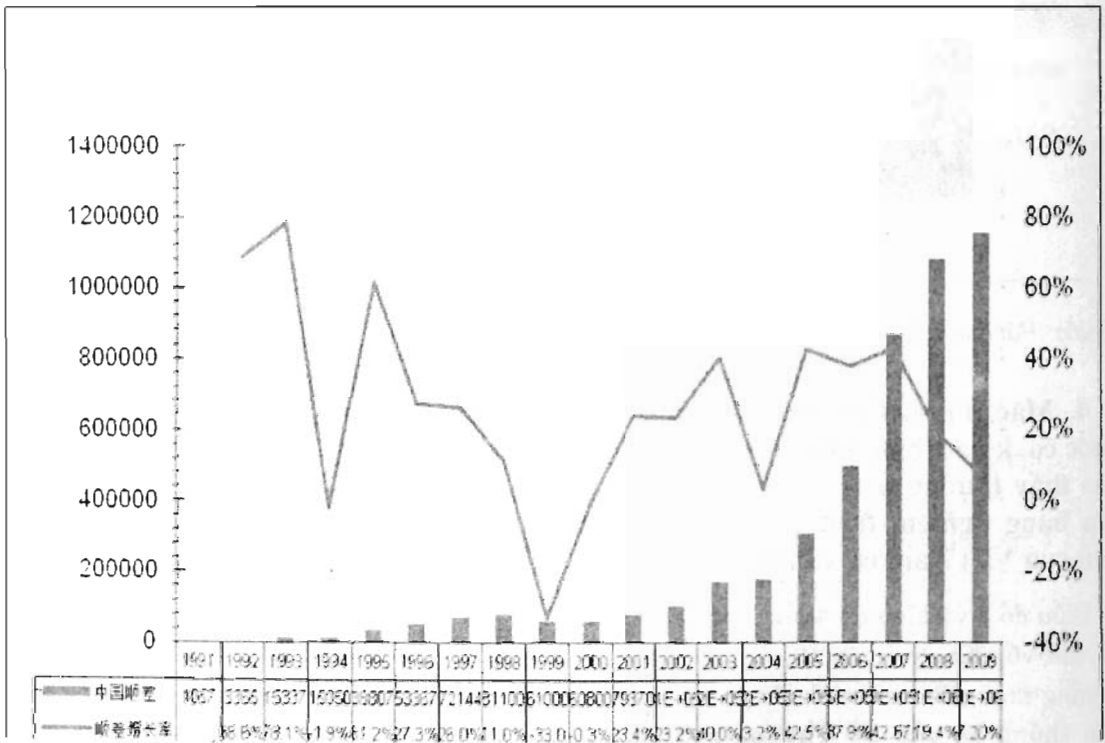
thấy: Trước hết, số liệu thống kê của hai nước có khác biệt khá lớn, nhất là trước năm 2000, số liệu thống kê của Bộ Công thương Việt Nam (biểu đồ 4) cho thấy: Từ năm 1991-2000, trong thương mại với Trung Quốc, Việt Nam luôn xuất siêu, còn số liệu của Bộ Thương mại Trung Quốc (biểu đồ 4) lại cho thấy: Từ năm 1991 đến nay, Trung Quốc luôn xuất siêu trong thương mại với Việt Nam. Tiếp đến, từ

năm 2001 đến nay, mặc dù số liệu vẫn còn sự khác biệt nhất định song số liệu thống kê của hai nước đều cho thấy: Việt Nam luôn ở tình trạng nhập siêu và mức nhập siêu không ngừng tăng lên, nhất là sau năm 2007, mức nhập siêu của Việt Nam tăng mạnh. Số liệu của Bộ Thương mại Trung Quốc cho thấy: Năm 2007 Việt Nam nhập khẩu 11,9 tỷ USD, xuất khẩu 3,215 tỷ USD, nhập siêu 8,685 tỷ USD; năm 2008 Việt Nam nhập khẩu 15,12 tỷ USD, xuất khẩu 4,34 tỷ USD, nhập siêu 10,78 tỷ USD; năm 2009 Việt Nam nhập khẩu 16,3 tỷ USD, xuất khẩu 4,747 tỷ USD, nhập siêu 11,554 tỷ USD.

Thông qua so sánh biểu đồ 3 và biểu đồ 4 có thể rút ra kết luận, số liệu thống kê về thương mại giữa hai nước còn khác biệt rất lớn, đây là một trở ngại cho việc nắm bắt tình hình thực tế của thương mại hai nước. Sự khác nhau này do khác biệt trong chế độ thống kê, sai số thống kê hay là do những hành vi thương mại bất bình thường như buôn lậu gây nên? Do đó, muốn làm rõ tình hình cụ thể của thương mại hai nước, có phương án hữu hiệu để thúc đẩy thương mại hai nước phát triển lành mạnh, chúng ta cần phải đi sâu khảo sát vấn đề số liệu thống kê về thương mại của hai nước.

Biểu đồ 3: XUẤT SIÊU CỦA TRUNG QUỐC TRONG THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM VÀ MỨC TĂNG TRƯỞNG CỦA NÓ

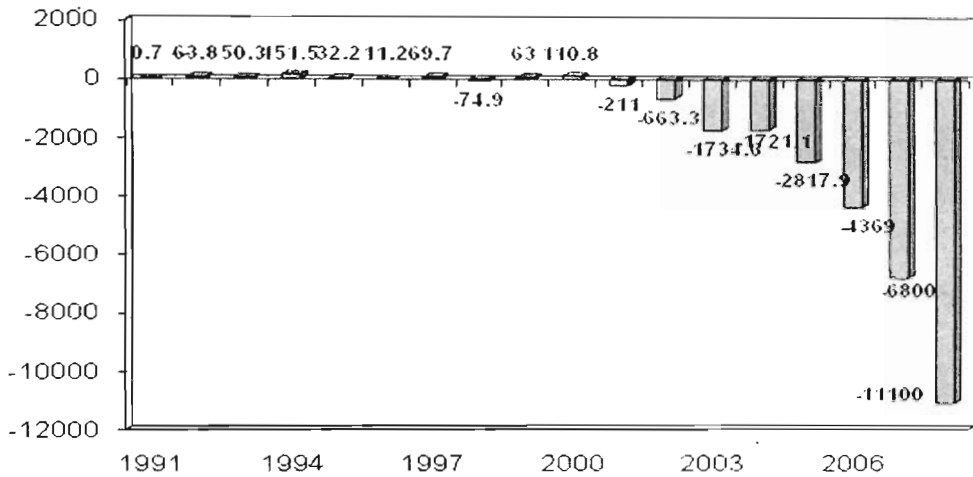
Đơn vị: Vạn USD, %



Nguồn: Bộ Thương mại Trung Quốc

Biểu đồ 4: TÌNH HÌNH CÂN BẰNG THƯƠNG MẠI CỦA VIỆT NAM VỚI TRUNG QUỐC

Đơn vị: Triệu USD



Nguồn: Bộ Công thương Việt Nam, dẫn theo TS. Doãn Công Khánh

5. Kết cấu thương mại giữa hai nước lấy thương mại giữa các ngành nghề là chủ yếu, trong đó, Trung Quốc có ưu thế trong ngành sản xuất hàng hoá, còn Việt Nam có ưu thế trong sản phẩm thô, mấy năm gần đây, Việt Nam tăng nhập khẩu nguyên phụ liệu cho mặt hàng dệt may, da giày

Kết quả tính toán về lợi thế so sánh của hàng hóa hai nước ⁽²⁾ (bảng 2) cho thấy: Trong thương mại giữa hai nước, Việt Nam coi xuất khẩu những mặt hàng thô như khoáng sản, nông sản là chủ yếu và có lợi thế so sánh, Trung Quốc lại không có lợi thế so sánh trong những mặt hàng này (chỉ số lợi thế so sánh là 0,88); còn trong phương diện sản xuất hàng hóa công nghiệp, xuất khẩu của Trung Quốc vượt xa nhập khẩu, mức

xuất siêu đạt trên 78%, chỉ số lợi thế so sánh là 8, thể hiện ưu thế rất mạnh. Điều này cho thấy, thương mại song phương lấy thương mại giữa các ngành nghề làm chủ nhưng về tổng thể, hàng hóa của Việt Nam không có lợi thế so sánh. Đến năm 2009, tình trạng này vẫn chưa có nhiều thay đổi. Theo bài viết ngày 30-12-2009 trên mạng thông tin của Việt Nam, Tham tán Thương mại Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc Nguyễn Duy Phú cho biết, 60% hàng hóa xuất khẩu sang Trung Quốc của Việt Nam là nông, lâm và khoáng sản; còn hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc chủ yếu là sản phẩm công nghiệp; nông, lâm và khoáng sản chiếm khoảng 14% ⁽³⁾. Ngày 21-10-2008, trên “Thời báo kinh tế” Việt Nam Thứ trưởng Bộ Thương mại

Việt Nam Nguyễn Thành Biên đã có bài viết “Thương mại Việt – Trung tăng nhanh”. Theo bài viết, hàng hóa xuất khẩu sang Trung Quốc của Việt Nam chủ yếu gồm dầu thô, than đá và một số nông sản nhiệt đới, sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc chủ yếu có máy móc thiết bị, thép, sản phẩm hóa chất, thiết bị vận

tải, nguyên phụ kiện dệt may, da giày, phân bón và vật tư nông nghiệp. Có thể thấy, những năm gần đây, kết cấu hàng thương mại giữa hai nước thay đổi không lớn, Việt Nam vẫn dựa vào xuất khẩu nhiên liệu và nông sản phẩm là chủ yếu, còn nhập khẩu từ Trung Quốc chủ yếu là hàng công nghiệp.

Bảng 2: KẾT CẤU VÀ LỢI THẾ SO SÁNH CỦA HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU TRUNG QUỐC VỚI VIỆT NAM

Đơn vị: 10.000 USD

Kết cấu hàng hóa (Theo phân loại của SITC)	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng giá trị xuất nhập khẩu	Chỉ số ưu thế so sánh của hàng hóa Trung Quốc
Tổng giá trị	317852	145580	463432	2.18
1. Sản phẩm thô	104470	119247	223717	0.88
Loại 0 Thực phẩm và đồ tươi sống	24646	13847	38493	1.78
Loại 1 Nước giải khát và thuốc lá	2002	0	2002	-
Loại 2 Nguyên liệu không sử dụng cho thực phẩm (trừ nhiên liệu)	5806	17752	23558	0.33
Loại 3 Nhiên liệu khoáng sản mỡ bò và các sản phẩm liên quan	72008	87275	159283	0.83
Loại 4 Dầu động thực vật, mỡ và nến	8	374	382	0.02
2. Sản phẩm công nghiệp	213382	26333	239715	8.10
Loại 5 Hóa chất và sản phẩm liên quan	51567	5073	56640	10.16
Loại 6 Sản phẩm phân loại theo nguyên liệu	71746	9846	81592	7.29
Loại 7 Cơ khí và thiết bị vận chuyển	65186	7505	72691	8.69
Loại 8 Chế phẩm phụ	24864	3909	28773	6.36
Loại 9 Hàng hóa chưa phân loại	18	-	18	-

Nguồn: Hải quan Trung Quốc

Mặc dù chủng loại hàng hóa xuất nhập khẩu của hai nước không có thay đổi lớn nhưng đáng chú ý là số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê Việt Nam (bảng 3) cho thấy: Năm 2008, kim ngạch nhập khẩu hai loại sản phẩm là vật liệu sắt thép, thiết bị máy móc và linh kiện tăng nhanh, chiếm 39% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc của Việt Nam, lần lượt đạt 2,3 tỷ USD

và 3,37 tỷ USD; còn nguyên liệu, phụ liệu hàng dệt may cộng lại mới gần 1,9 tỷ USD. Số liệu thống kê khác của Bộ Công thương Việt Nam lại cho thấy: Nguyên phụ liệu hàng dệt may, giày da từ 23,3 triệu USD năm 2000 tăng lên 1,9 tỷ USD năm 2008⁽⁴⁾. Nhập khẩu những sản phẩm này tăng mạnh là nguyên nhân chủ yếu khiến nhập siêu của Việt Nam tăng nhanh, phần sau sẽ phân tích kỹ.

Bảng 3: 10 MẶT HÀNG CHỦ YẾU VÀ TỈ LỆ CỦA NÓ TRONG THƯƠNG MẠI GIỮA HAI NƯỚC NĂM 2008

	Việt Nam nhập khẩu			Việt Nam xuất khẩu		
	Tên sản phẩm	Kim ngạch (1000 USD)	Tỉ trọng	Tên sản phẩm	Kim ngạch	Tỉ trọng
1	Máy móc thiết bị phụ tùng	3769469	24.10%	Cao su	1056988	23.30%
2	Sắt thép các loại	2308865	14.80%	Than đá	742844	16.40%
3	Vải các loại	1544143	9.90%	Dầu thô	603530	13.30%
4	Phân bón các loại	719931	4.60%	Máy vi tính và linh kiện	273803	6.00%
5	Máy vi tính và linh kiện	654377	4.20%	Hạt điều	160676	3.50%
6	Hóa chất	463750	3.00%	Gỗ và sản phẩm gỗ	145633	3.20%
7	Xăng dầu các loại	446100	2.90%	Giấy dép các loại	107167	2.40%
8	Nguyên phụ liệu dệt may, da giày	360546	2.30%	Hải sản	81096	1.80%
9	Linh kiện ô tô	294643	1.90%	Hàng dệt may	53534	1.20%
10	Các sản phẩm hoá chất	265513	1.70%	Hàng rau quả	48941	1.10%
	Tổng cộng	10827336	69.40%	Tổng cộng	1056988	72.20%

Nguồn: Mạng của Tổng cục Thống kê Việt Nam <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=629&ItemID=9414>

II. PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN HÌNH THÀNH ĐẶC TRƯNG THƯƠNG MẠI GIỮA HAI NƯỚC

1. Nguyên nhân khiến kim ngạch thương mại liên tục tăng nhanh, vị trí thương mại không ngừng nâng cao nhưng tỉ lệ tăng trưởng không ổn định

Trước hết, từ quá trình phát triển thương mại giữa hai nước có thể thấy, quan hệ chính trị hữu nghị không ngừng được nâng cao đã thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước phát triển. Năm 1991 hai nước bình thường hóa quan hệ, năm 1992 kim ngạch thương mại song phương tăng 82% so với năm trước; sau khi lãnh đạo cấp cao hai nước ký “Tuyên bố chung” năm 1999 xác định phát triển quan hệ hai nước hướng tới thế kỷ 21 theo phương châm 16 chữ “láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”, từ năm 2000, kim ngạch thương mại giữa hai nước đã có bước phát triển đột phá. Sau đó, hai nước lại xác định quan hệ song phương là quan hệ “4 tốt” “láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt”. Năm 2008 lãnh đạo hai nước đã nhất trí xây dựng quan hệ *đối tác hợp tác chiến lược toàn diện*, đưa quan hệ chính trị lên tầm cao mới, vì vậy, kim ngạch thương mại giữa hai nước trong hai năm gần đây lại xuất hiện đợt tăng trưởng nhẩy vọt. Có thể thấy, quan hệ chính trị hữu nghị đã thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước phát triển tốt đẹp. Tăng trưởng của thương mại song phương Trung - Việt cao hơn

nhiều tốc độ tăng trưởng chung của ngoại thương hai nước, từ đó vị trí của thương mại song phương trong thương mại của mỗi nước không ngừng tăng lên.

Tiếp đến, việc hai nước đẩy mạnh mở cửa và hội nhập với nền kinh tế quốc tế cũng có tác dụng thúc đẩy đối với quan hệ kinh tế thương mại song phương. Số liệu thống kê cho thấy, từ năm 2000, cùng với việc Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, Trung Quốc - ASEAN ký hiệp định xây dựng Khu mậu dịch tự do, Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, thương mại song phương hàng năm đều có mức tăng trưởng khá cao.

Thứ ba, cùng với hợp tác kinh tế thương mại giữa hai nước không ngừng đi sâu đã kéo theo tăng trưởng của thương mại, vị trí trong thương mại của mỗi nước không ngừng nâng cao. Ví dụ, hàng loạt hợp tác như hợp tác hai hành lang một vành đai, hợp tác GMS, xây dựng thị trường thương mại biên giới cùng ưu đãi cũng như đơn giản hóa chế độ thanh toán, chế độ kiểm dịch và chế độ thông quan được triển khai giữa hai nước đã thúc đẩy thương mại hai nước phát triển.

Thứ tư, do hai nước đều có nền kinh tế thị trường XHCN theo mô hình nhà nước là chủ đạo, quan hệ kinh tế, thương mại giữa hai nước có tác dụng chỉ đạo của nhà nước rất mạnh; đồng thời hai nước đều là nền kinh tế thị trường với mức độ mở cửa cao, do đó ngoài việc chịu

ảnh hưởng của yếu tố thị trường bên ngoài, tăng trưởng của kinh tế thương mại còn chịu ảnh hưởng khá lớn của chính sách, do đó mặc dù tỉ lệ tăng trưởng hàng năm cơ bản đảm bảo tăng trưởng tốt nhưng tỉ lệ tăng trưởng không ổn định mà biến động cùng với ảnh hưởng của môi trường bên ngoài và chính sách, trong đó thể hiện rõ nét trong năm 1992, năm 1998, năm 2000 và năm 2007.

2. Nguyên nhân khiến mức nhập siêu từ Trung Quốc của Việt Nam lớn và tăng nhanh trong 2 năm gần đây

Một mặt do từ khi đổi mới mở cửa, kinh tế Việt Nam tăng trưởng nhanh, GDP bình quân đầu người năm 2008 đã vượt 1000 USD, mức tiêu dùng của nhân dân đã được nâng cao. Theo TS. Từ Thanh Thủy, chuyên gia của Viện Nghiên cứu thương mại, cho biết trong giai đoạn 2001-2005, tốc độ tăng tiêu dùng của người Việt Nam đạt 7,7%, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng dân số, chỉ có 1,4%. “Dự báo tỷ lệ quỹ tiêu dùng cuối cùng so với GDP trong giai đoạn 2007-2010 luôn ở mức hơn 70% và tới năm 2010, sẽ có quy mô khoảng 840.000-860.000 tỉ đồng⁽⁵⁾.”

Mặt khác, do dân số tăng nhanh, do yếu tố văn hóa và thói quen sinh hoạt, tỉ trọng tiêu dùng cuối cùng của Việt Nam thuộc mức khá cao, cao hơn các nước khác ở Đông Nam Á. Hiện nay, dân số Việt Nam đã trên 86 triệu, đứng thứ 13 thế giới. Năm 2005, tỉ trọng tiêu dùng cuối cùng trong GDP của Việt Nam đến

khoảng 70%, còn Singapore, Malaysia, Thái Lan lần lượt là 57%, 59% và 68%. Năm 2007 tiêu dùng cuối cùng đạt 51,2 tỷ USD, trên 70%⁽⁶⁾. Trong khi đó, tỉ trọng tiêu dùng cuối cùng trong GDP của Trung Quốc khoảng 40-50%.

Thứ hai, do Việt Nam đang ở trong thời kỳ đầu công nghiệp hóa, đòi hỏi xây dựng nhiều cơ sở hạ tầng, đổi mới thiết bị, do đó phải nhập khẩu nhiều sắt thép, thiết bị, nguyên vật liệu xây dựng. Theo thống kê của Vụ châu Á – Thái Bình Dương Bộ Thương mại Việt Nam, năm 2004 hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc với kim ngạch khá lớn đã lên đến 32 loại với 3,66 tỷ USD, chiếm 82,2% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc, trong đó xăng dầu các loại là 740 triệu USD, sắt thép là 409 triệu USD, phân bón là 392 USD, nguyên phụ liệu dệt may là 290 triệu USD, linh kiện xe máy là 92 triệu USD. Năm 2008, các loại sắt thép, thiết bị máy móc và linh kiện lần lượt đạt 2,3 tỷ USD và 3,77 tỷ USD; còn nguyên phụ liệu dệt may cộng lại gần 1,9 tỷ USD. Những hàng hóa này đều là cơ sở cho xây dựng công nghiệp và sản xuất hàng xuất khẩu của Việt Nam, nó đã đáp ứng nhu cầu sản xuất công nghiệp và phát triển kinh tế của Việt Nam, vì vậy tăng trưởng nhập khẩu là điều khó tránh khỏi. Hơn nữa, yếu tố này khiến Việt Nam không những nhập siêu với Trung Quốc mà ngoại thương nói chung cũng đều ở mức nhập siêu, trong đó năm 2007 là 12,2 tỷ USD, năm 2008 là 18 tỷ USD, năm 2009 là 12,25 tỷ USD.

Thứ ba, chủng loại hàng hóa để xuất khẩu của Việt Nam ít, với sản phẩm thô là chủ, sức cạnh tranh của hàng hóa thấp. Từ số liệu nêu trên có thể thấy, Việt Nam xuất khẩu dầu thô, than đá, cao su và nông sản là chủ yếu, giá trị phụ gia của những sản phẩm thô này thấp, giá cả rẻ, không có ưu thế cạnh tranh; còn chủng loại hàng hóa có thể xuất khẩu lại khá ít. Ví dụ, năm 2008, chủng loại hàng hóa nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc của Việt Nam là 33 loại, trong khi đó xuất khẩu sang Trung Quốc chỉ có 26 loại.

Thứ tư, so với các nước khác, hàng hoá Trung Quốc phù hợp với nhu cầu của thị trường Việt Nam cả về chủng loại, giá cả và tính năng. Trước hết, do gần gũi về địa lý nên Trung Quốc đã giảm được giá thành vận chuyển, hơn nữa, nhà máy của Trung Quốc sản xuất với quy mô lớn đã mang lại hiệu ứng kinh tế giảm giá thành sản phẩm; cộng với nhu cầu khá giống nhau do hai nước gần gũi về văn hóa. Những nguyên nhân này khiến Việt Nam hướng nhu cầu nhập khẩu chủ yếu vào thị trường Trung Quốc chứ không phải là các nước khác.

Thứ năm, những nguyên liệu Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc chủ yếu bao gồm vải vóc và các loại nguyên phụ liệu cho dệt may, da giày dùng để sản xuất hàng xuất khẩu sang các nước khác như EU, Mỹ và Nhật Bản, từ đó khiến Việt Nam nhập siêu với Trung Quốc nhưng lại xuất siêu với các nước khác.

Theo con số thống kê của Bộ Công thương (Việt Nam): Năm 2008 xuất khẩu quần áo hàng dệt may đạt 9,12 tỷ USD, trở thành sản phẩm xuất khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam sau than đá và dầu thô, riêng về giày da đạt 4,467 tỷ USD, là sản phẩm xuất khẩu lớn thứ 4⁽⁷⁾. Có thể thấy, các loại nguyên phụ liệu cho dệt may và giày da nhập khẩu từ Trung Quốc có đóng góp chủ yếu cho xuất khẩu thu ngoại tệ của Việt Nam. Sở dĩ có hiện tượng này là do sau khi Việt Nam gia nhập WTO năm 2006, các loại hàng dệt may, giày da xuất khẩu sang châu Âu, Mỹ không bị hạn ngạch xuất khẩu, đồng thời các nước này vẫn chưa xóa bỏ hạn ngạch đối với Trung Quốc. Do đó, các doanh nghiệp dệt may vốn có ưu thế mạnh đã xuất khẩu nguyên phụ liệu từ Trung Quốc sang Việt Nam gia công sau đó xuất khẩu sang châu Âu, Mỹ, thậm chí một số sản phẩm sau khi thay đổi nhãn mác rồi xuất sang thị trường khác, từ đó khiến các loại quần áo, giày dép thành phẩm ở châu Âu, Mỹ tăng lên cùng với việc Việt Nam tăng nhập khẩu nguyên phụ liệu từ Trung Quốc. Ngoài nhân tố WTO, nhất thể hoá trong nội bộ Khu mậu dịch tự do ASEAN cũng thuận lợi cho Việt Nam nhập khẩu nguyên phụ liệu từ Trung Quốc qua gia công rồi xuất khẩu sang các nước ASEAN khác. Mấy năm gần đây, vải vóc và nguyên phụ liệu cho hàng dệt may, da giày chiếm tỉ trọng rất lớn trong nhập khẩu từ Trung Quốc của Việt Nam. Đây là nguyên nhân chủ

yếu khiến nhập siêu của Việt Nam tăng nhanh.

Thứ sáu, các vấn đề khác, chủ yếu bao gồm sự khác biệt trong chế độ thống kê thương mại dẫn đến khác biệt trong số liệu thống kê, quản lý biên mậu vẫn chưa chuẩn hoá, các kênh và mạng lưới tiêu thụ của Việt Nam vẫn chưa thâm nhập vào nội địa rộng lớn của Trung Quốc, mới chủ yếu đến được khu vực biên giới như Quảng Tây, Vân Nam... Trong đó, vấn đề khai thác nội địa Trung Quốc của doanh nghiệp Việt Nam đáng được coi trọng, bởi vì nội địa mới là thị trường rộng lớn nhất, có sức mua nhất của Trung Quốc.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trước hết, quan hệ kinh tế thương mại Trung - Việt phát triển trong bối cảnh quan hệ chính trị tốt đẹp, do đó, hai nước nên tiếp tục duy trì và không ngừng phát triển quan hệ chính trị hợp tác hữu nghị, từ đó thúc đẩy thương mại của hai nước phát triển tốt đẹp.

Tiếp đến, cùng với bước phát triển của thương mại song phương, vấn đề nhập siêu trong thương mại với Trung Quốc của Việt Nam ngày càng nổi cộm. Nguyên nhân khiến thương mại Trung - Việt mất cân bằng đến từ nhiều phương diện nhưng chủ yếu là do giai đoạn phát triển và nhu cầu bên trong của Việt Nam quyết định, mà muốn thay đổi tình trạng này không thể một sớm một chiều, cần phải có sự nỗ lực lâu dài và từ nhiều

phương diện. Đồng thời, nhìn từ phân tích chủng loại sản phẩm nhập khẩu, nguyên nhân khiến mức nhập siêu của Việt Nam lớn và tăng nhanh là để đáp ứng nhu cầu xây dựng và cải tạo cơ sở hạ tầng trong nước, điều chỉnh và nâng cấp kết cấu kinh tế, tăng xuất khẩu của Việt Nam. Có thể thấy, tăng nhập khẩu từ Trung Quốc có đóng góp nhất định cho sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Hơn nữa cũng chưa có bằng chứng cho thấy nhập siêu với Trung Quốc gây tổn hại thực sự cho kinh tế Việt Nam.

Thứ ba, muốn giải quyết vấn đề nhập siêu, về ngắn hạn, một mặt Việt Nam phải đi sâu và mở rộng thị trường tiêu thụ ở Trung Quốc, mặt khác có thể thông qua thu hút những ngành nghề và nhà máy xuất khẩu hàng hóa của Trung Quốc đến Việt Nam đầu tư xây dựng nhà máy, từ đó giảm nhập khẩu từ Trung Quốc. Về dài hạn, Việt Nam có thể thông qua hợp tác giữa hai nước, kết hợp với tận dụng điều kiện độc đáo của Việt Nam, hợp tác sản xuất những mặt hàng phù hợp với nhu cầu thị trường Trung Quốc, hoặc thu hút kỹ thuật tiên tiến và kinh nghiệm quản lý của các nước khác để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và hàng hóa nước mình. Còn phía Trung Quốc, trước hết phải coi trọng vấn đề mất cân bằng trong thương mại hai nước. Tiếp đến, thông qua sự nỗ lực của Chính phủ, hướng dẫn và khuyến khích các doanh nghiệp tiêu thụ hàng hóa của Việt Nam ở nội địa. Mục

đích là nâng cao xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc, có thể xóa bỏ ảnh hưởng tâm lý của Việt Nam nhập siêu, giảm bớt lo lắng của Việt Nam.

Thứ tư, xét về tổng thể, muốn thay đổi tình trạng nhập siêu của Việt Nam khó là m được trong thời gian sắp tới, nhất là sau khi Khu mậu dịch tự do Trung Quốc – ASEAN khởi động, một số ưu đãi Trung Quốc vốn chỉ dành cho Việt Nam không còn nữa (như chính sách miễn thuế biên mậu), hàng hóa của Việt Nam sẽ cạnh tranh trên cùng một mặt bằng với sản phẩm của các nước ASEAN khác, như vậy sẽ hạ thấp sức cạnh tranh xuất khẩu sang Trung Quốc của hàng hóa Việt Nam. Đồng thời, bắt đầu từ năm 2010, nhà máy lọc dầu Dung Quất sẽ khởi động, dầu thô xuất khẩu sẽ giảm, đồng thời Việt Nam còn áp dụng biện pháp hạn chế xuất khẩu những mặt hàng nguyên nhiên liệu như dầu thô và than đá, như vậy sẽ giảm xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc, đồng thời cũng giảm lượng xăng dầu thành phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc của Việt Nam. Như vậy, lượng thương mại của hai nước sẽ có áp lực giảm.

Như trên đã nói, hai nước cần phải thúc đẩy phát triển quan hệ thương mại song phương bằng thái độ tích cực. Phía Việt Nam cần có thái độ và cái nhìn khách quan, lý tính, toàn diện và lâu dài để nhìn nhận vấn đề mất cân bằng trong thương mại giữa hai nước Trung - Việt, khai thác hết tiềm lực của mỗi bên, tăng

cường hợp tác ,chứ không phải là hạn chế hoặc khống chế nhập khẩu từ Trung Quốc để tránh bỏ lỡ cơ hội làm ăn do nền kinh tế Trung Quốc nhanh mang lại. Từ nay trở đi, cùng với hợp tác song phương sâu rộng, sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam sẽ được nâng cao. Vấn đề nhập siêu thương mại với Trung Quốc và với thế giới nói chung của Việt Nam sẽ được giải quyết một cách tự nhiên.

NGUYỄN PHƯƠNG HOA (dịch)

CHÚ THÍCH:

(1) Theo TS. Doãn Công Khánh, *Phát triển quan hệ thương mại Việt Nam Trung Quốc thành hình mẫu của quan hệ hữu nghị, láng giềng và hợp tác trong thế kỷ XXI*. Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc số 1-2010.

(2) Theo lý luận kinh tế: Xuất khẩu so với nhập khẩu của sản phẩm sẽ rút ra được chỉ số ưu thế so sánh của sản phẩm này, khi chỉ số lớn hơn 1 thể hiện nước này xuất khẩu sản phẩm đó lớn hơn nhập khẩu, do đó nước này có ưu thế so sánh trong sản phẩm cùng loại; nếu chỉ số nhỏ hơn 1 cho thấy nước này không có ưu thế so sánh trong sản phẩm cùng loại.

(3) Theo thông tin từ mạng của Phòng Thương mại Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam,

(4) Theo bài trên của TS. Doãn Công Khánh.

(5) Theo “Làm gì để chia chiếc bánh hơn 50 tỉ đô la?”)

(6) <http://vietbao.vn/Xa-hoi/Khi-tieu-dung-uo-i-cung-dat-hon-51-ti-USD-nam/45261518/124/>

(7) <http://tttm.moit.gov.vn/dstk.aspx?NewID=11E&CateID=1>.